

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 13- 01- 2021

V/v: “*Tranh chấp ly hôn và
chia tài sản khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Luông

Các Thẩm phán: Ông Võ Hoàng Khải

Bà Võ Thị Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 06 tháng 01 và 13 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số **26/2020/TLPT-HNGĐ** ngày **08 tháng 12** năm 2020, về “*Tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn*”.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 58/2020/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số **45/2020/QĐPT-HNGĐ** ngày **17 tháng 12** năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Hoài H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp Khánh H1, thị trấn Ngã S, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ hiện nay: Khu vực Thạnh Th, phường Thường Th1, quận Cái R, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 188, Ấp Khánh H1, thị trấn Ngã S, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thế V, sinh năm 2001.

Địa chỉ: ấp Khánh H1, thị trấn Ngã S, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Khu vực Thạnh Th, phường Thường Th1, quận Cái R, thành phố Cần Thơ.

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1970.

3. Bà Nguyễn Thị Cà Th2.

4. Bà Hồ Thị M, sinh năm 1942.

Cùng địa chỉ: ấp Khánh H1, thị trấn Ngã S, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang.

5. Ông Nguyễn Hữu M1, sinh năm 1960.

Địa chỉ: ấp Thuận H2, thị trấn Ngã S, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang.

6. Ông Nguyễn Hoàng Ph, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp Thị Tr, thị trấn Ngã S, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn C là bị đơn trong vụ án.

Nguyên đơn bà Hồ Thị Hoài H và bị đơn ông Nguyễn Văn C có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2019 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/12/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/5/2020 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Hồ Thị Hoài H trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn kết hôn với nhau vào năm 2000, không có làm lễ cưới theo truyền thống, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân do quen biết, tự nguyện. Thời gian chung sống có một con chung là Nguyễn Thế V, sinh năm 2001. Quá trình chung sống được cha mẹ chồng cho một phần đất có ranh giáp với ông Nguyễn Văn L hướng về xã Phú A (cũ) trên đất có căn nhà, ngoài ra không có thiếu nợ ai hay cho ai vay nợ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bị đơn không còn chung thủy, nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Về quan hệ hôn nhân nguyên đơn Hồ Thị Hoài H xin được ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn C. Về con chung đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về tài sản nguyên đơn yêu cầu chia đôi và nhận giá trị tài sản, phần đất tại vị trí số I, thửa đất số 10, diện tích 263.4m², phần đất tại vị trí số III, thửa đất số 10, diện tích 250.4m², phần đất tại vị trí số IIIa, thửa đất số 09, diện tích 56.4m², theo mảnh trích đo địa chính số 13 ngày 28/2/2020 của công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế xây dựng hiện đại chi nhánh Hậu Giang, vị trí đất hiện tại ấp Khánh H1, thị trấn Ngã S, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang. Nguyên đơn không yêu cầu chia giá trị cây trồng và căn nhà trên đất. Nguyên đơn đồng ý tặng cho phần đất ông Nguyễn Văn L đang quản lý sử dụng ổn định tại vị trí II và IIa theo mảnh trích đo địa chính số 13 ngày 28/2/2020 của công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế xây dựng Hiện Đại chi nhánh Hậu Giang. Nguyên đơn yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn L, hủy toàn bộ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Hữu M1 lý do đây là tài sản chung giữa nguyên đơn và bị đơn, nhưng khi ký hợp đồng tặng cho và chuyển nhượng nguyên đơn không có ký vào hợp đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Bị đơn đồng ý với nguyên đơn về thời gian kết hôn vào năm 2000, không có làm lễ cưới theo truyền thống, có đăng ký kết hôn theo quy định, hôn nhân là do tự nguyện. Thời gian chung sống có một con chung tên Nguyễn Thế V, sinh năm 2001. Mâu thuẫn bắt đầu phát sinh vào năm 2013 do nguyên đơn bỏ nhà ra đi, bị đơn và nguyên đơn cũng có hàn gắn lại nhưng không thành và đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Về quan hệ hôn nhân

bị đơn Nguyễn Văn C đồng ý ly hôn với nguyên đơn Hồ Thị Hoài H. Về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung quá trình chung sống bị đơn và nguyên đơn không có tài sản chung. Bị đơn được cha là cụ Nguyễn Văn B chết năm 2005 và cụ Tổng Thị H3 chết năm 1995 cho riêng phần đất trước khi ông kết hôn với nguyên đơn, phần đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông đã tặng cho ông Nguyễn Văn L vào ngày 08/10/2019, tặng cho toàn bộ thửa đất số 10, tờ bản đồ số 32 diện tích 922.4m² vị trí đất ấp Khánh H1 (ấp Khánh H1 B), thị trấn Ngã S (xã Phú A), huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 586672 cấp ngày 08/4/2014. Ông đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 09, tờ bản đồ số 32 diện tích 300m² vị trí đất ấp Khánh H1 (ấp Khánh H1 B), thị trấn Ngã S (xã Phú A), huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 586673, cấp ngày 08/4/2014 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu M1 vào ngày 10/10/2019. Giá chuyển nhượng là 450.000.000 đồng ông đã nhận số tiền này và đã trả nợ hết 300.000.000 đồng, mua xe cho con Nguyễn Thế V 37.000.000 đồng, phần còn lại ông tiêu xài cá nhân. Khi tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn L và chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu M1 thì bà H không biết và không có ký hợp đồng tặng cho và chuyển nhượng. Ông không đồng ý chia phần tài sản này, không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy hợp đồng tặng cho và chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Thế V trình bày: Ông có nhận số tiền 37.000.000 đồng từ ông Nguyễn Văn C, ông không có ý kiến gì trong vụ kiện này và yêu cầu giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bà Hồ Thị M trình bày: Bà có mua một phần đất của ông Nguyễn Văn C và bà Hồ Thị Hoài H để làm đường đi vào nhà, bà không nhớ rõ mua vào năm nào, giá là 400.000 đồng và đã giao đủ tiền cho nguyên đơn và bị đơn, bà đã nhận đất để làm đường đi trên 10 năm. Khi mua là mua phần đất bên trong hàng dừa cặp Rạch nước, diện tích chiều ngang 1,5m chạy dài đến hết đất, nhưng hiện nay phần đường đi này là nằm mép ngoài hàng dừa đã đốn trên Rạch nước. Bà đồng ý sử dụng phần đường đi này, bà không có yêu cầu gì trong vụ án này và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Văn L trình bày: Vào tháng 10 năm 2019 ông có làm hợp đồng nhận tặng cho quyền sử dụng đất từ ông C, tặng cho toàn bộ phần đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 32 diện tích 922.4m² vị trí đất ấp Khánh H1 (ấp Khánh H1 B), thị trấn Ngã S (xã Phú A), huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 586672, sổ vào sổ CH 00058 cấp ngày 08/4/2014. Nguồn gốc phần đất này là của cụ Nguyễn Văn B chết năm 2005 và cụ Tổng Thị H3 chết năm 1995 là cha mẹ ruột của ông và ông C để lại. Phần đất này ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông và ông Nguyễn Văn C. Khi làm hợp đồng nguyên đơn không biết và không có ký vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Ông Nguyễn Hữu M1 trình bày: Vào khoảng tháng 9 hoặc tháng 10 năm 2019 ông có làm hợp đồng nhận chuyển nhượng phần đất tại thửa đất số 09, tờ

bản đồ số 32 diện tích 300m² vị trí đất ấp Khánh H1 (ấp Khánh H1 B), thị trấn Ngã S (xã Phú A), huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 586673, sổ vào sổ CH 00059 cấp ngày 08/4/2014 với ông Nguyễn Văn C. Giá chuyển nhượng là 450.000.000 đồng đã giao đủ tiền cho ông C, phần đất này ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Số tiền 450.000.000 đồng có phân nửa là của ông Nguyễn Hoàng Ph hùng mua đất. Ông Ph chỉ hùng tiền khi làm thủ tục chuyển nhượng. Khi cấp giấy ông Ph để cho ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và ông Nguyễn Văn C.

Ông Nguyễn Hoàng Ph trình bày: Số tiền 450.000.000 đồng mà ông M1 dùng để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông C là có của ông 225.000.000 đồng. Ông không có đứng ra làm thủ tục chuyển nhượng và cấp giấy, tất cả thủ tục chuyển nhượng và cấp giấy đều để ông M1 đứng ra làm thủ tục. Ông yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Hữu M1 và ông Nguyễn Văn C.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 58/2020/HNGĐ-ST Ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn bà Hồ Thị Hoài H và bị đơn ông Nguyễn Văn C.

1.2. Về con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia tài sản chung. Buộc ông Nguyễn Văn C giao cho bà Hồ Thị Hoài H 30% giá trị đóng góp tài sản số tiền 198.913.320 đồng (một trăm chín mươi tám triệu chín trăm mười ba ngàn ba trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.4. Về nợ chung, nợ cho vay chưa xem xét giải quyết.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho giữa ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn L. Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn C với ông Nguyễn Hữu M1.

2.1. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hữu M1: Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chứng thực số 59/2019 quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD được Ủy ban nhân dân xã Phú A, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang chứng thực ngày 09/9/2019 giữa ông Nguyễn Văn C với ông Nguyễn Hữu M1.

2.2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất chứng thực số 60/2019 quyền số 01/2019 TP/CC-SCC/HĐGD được Ủy ban nhân dân xã Phú A, huyện Châu T,

tỉnh hậu Giang chứng thực ngày 09/9/2019 giữa ông Nguyễn Văn C với ông Nguyễn Văn L.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Hồ Thị Hoài H tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp. Bà H được nhận lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0001314 ngày 03/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn Hồ Thị Hoài H phải chịu phần án phí chia tài sản 9.945.000 đồng (chín triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) được khấu trừ phần tạm ứng nguyên đơn đã nộp 2.046.000 đồng (hai triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001315 ngày 03/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang. Như vậy nguyên đơn phải nộp thêm 7.899.000 đồng (bảy triệu tám trăm chín mươi chín ngàn đồng) tiền án phí chia tài sản nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang. Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí chia tài sản 22.565.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T – Hậu Giang.

Nguyên đơn Hồ Thị Hoài H phải chịu tiền án phí bị bác yêu cầu không công nhận hợp đồng tặng cho và chuyển nhượng quyền sử dụng đất số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003959 ngày 19/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang thành án phí, nguyên đơn không phải nộp thêm.

Ông Nguyễn Hữu M1 được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003992 ngày 27/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang.

Tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) ông Nguyễn Văn L đã nộp theo biên lai số 0003991 ngày 27/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang sung vào công quỹ nhà nước.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá; quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, bị đơn ông Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. **Nội dung kháng cáo:** Không đồng ý yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn, không đồng ý chia công sức đóng góp cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông không đồng ý trả 30% chi phí công sức đóng góp cho bà Hồ Thị Hoài H vì hiện ông không còn khả năng thanh toán số tiền theo bản án sơ thẩm, ông không còn tài sản gì và hiện tại đang thuê nhà trọ ở. Mặt khác, tài sản bà H yêu cầu chia là tài sản cha ông tặng cho riêng ông, thời gian ông và bà H là vợ chồng sống chung thì cùng nhau làm để sinh sống chứ kể công sức đóng góp gì mà bắt ông phải chia cho bà H.

Nguyên đơn bà Hồ Thị Hoài H thống nhất với nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn C đứng tên thì bà có ý kiến với ông C tại sao lại chỉ có mình ông C đứng tên mà

không phải hai vợ chồng thì ông C trả lời bà là ai đứng tên cũng vậy nên bà không có ý kiến, khiếu nại gì đối với cơ quan chuyên môn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu:

Về thủ tục tố tụng, từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án cấp phúc thẩm đã tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; sửa bản án sơ thẩm về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết theo quan hệ pháp luật “Tranh chấp xin ly hôn, tranh chấp tài sản khi ly hôn là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn C kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Xét kháng cáo của bị đơn về việc không đồng ý chia công sức đóng góp cho nguyên đơn Hồ Thị Hoài H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn Hồ Thị Hoài H và bị đơn Nguyễn Văn C tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2000 không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013, nguyên nhân do nguyên đơn bỏ đi và bị đơn không còn chung thủy với nguyên đơn, và đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn thuận tình ly hôn nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Đối với yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn: Yêu cầu chia phần đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 32 diện tích 922.4m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 586672, cấp ngày 08/4/2014. Thửa đất số 09, tờ bản đồ số 32 diện tích 300m², thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 586673, cấp ngày 08/4/2014. Phần đất tọa lạc tại ấp Khánh H1 (ấp Khánh H1 B), thị trấn Ngã S (xã Phú A), huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang

Xét về nguồn gốc đất là của cụ Nguyễn Văn B chết năm 2005 và cụ Tổng Thị H3 chết năm 1995 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00132 cấp ngày 23/10/2001 cho hộ ông Nguyễn Văn Bộ đến ngày 12/11/2001 do ông Nguyễn Văn B mất sức lao động nên ủy quyền cho ông Nguyễn Văn C toàn bộ phần đất trong đó có thửa đất số 342 tờ bản đồ số 07 diện tích 1775m² loại đất LNK + 300m² loại đất ONT. Đến năm 2014 ông Nguyễn Văn C được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 586672, sổ vào sổ CH 00058 cấp ngày 08/4/2014 và giấy chứng nhận quyền sử dụng số BL 586673, sổ vào sổ CH 00059 cấp ngày 08/4/2014 đều đứng tên Nguyễn Văn C.

Quá trình sử dụng đất ông Nguyễn Văn B làm giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Văn C đứng tên toàn bộ phần đất này, xét thời gian làm giấy ủy quyền là ngày 12/11/2001 là trong thời kỳ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn. Như vậy, ý chí của ông Nguyễn Văn B là cho riêng phần đất này cho ông Nguyễn Văn C vì ông B không ủy quyền cùng cho ông C và bà H đứng tên mà chỉ ủy quyền cho ông C. Năm 2014 ông Nguyễn Văn C đi xin cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì nguyên đơn và bị đơn đã ly thân, không trực tiếp quản lý sử dụng phần đất này.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Hồ Thị Hoài H trình bày: Sau khi xét xử sơ thẩm bà nhận thấy quyền lợi của mình được đảm bảo nên không có kháng cáo, thống nhất với nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chồng bà là ông Nguyễn Văn C đứng tên thì bà trình bày là có ý kiến với ông C tại sao lại chỉ có mình ông C đứng tên mà không phải hai vợ chồng thì được nghe ông C trả lời ai đứng tên cũng vậy nên bà không có ý kiến hay có khiếu nại gì đối với cơ quan chuyên môn. Điều đó cho thấy, quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn C, thời gian sử dụng đất cho đến khi ly thân thì bà không hề có khiếu nại hay ý kiến gì với cơ quan chuyên môn về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho một mình ông Nguyễn Văn C.

Do vậy, yêu cầu chia tài sản chung đối với các phần đất trên của nguyên đơn là không có căn cứ. Tuy nhiên, có tính đến công sức đóng góp cải tạo và giữ gìn phần đất này của bà Hồ Thị Hoài H. Ông Nguyễn Văn C cũng thừa nhận bà Hồ Thị Hoài H có công sức đóng góp trong phần đất này,

Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả công sức đóng góp cho nguyên đơn 30% thời gian từ năm 2000 đến năm 2013 theo chứng thư định giá số 47/BDS ngày 18/3/2020 của công ty cổ phần thẩm định giá Thống Nhất giá của ba phần đất bà Hận yêu cầu chia đôi tại vị trí I, III, IIIa là 663.044.400 đồng. Như vậy 30% giá trị của ba phần đất nêu trên là 198.913.320 đồng là phù hợp.

[4] Các vấn đề khác trong vụ án: Các đương sự không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Tuy nhiên về án phí sơ thẩm việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí chia tài sản là 22.565.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) là chưa đúng theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại phần này cho phù hợp.

Về án phí đối với yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị bác, cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn chỉ chịu 300.000 đồng là chưa đúng. Bà H phải chịu án phí đối với yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không được chấp nhận mỗi yêu cầu là 300.000 đồng.

Như vậy, phần tài sản tranh chấp quyền sử dụng đất là tài sản riêng của ông C nên ông C không phải chịu án phí. Bà H phải chịu án phí đối với yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không được chấp nhận là 600.000 đồng

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, sửa bản án sơ thẩm về án phí.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn C nên ông C phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đồng. Ông C được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004167 ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T thành án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, Điều 148, Điều 157 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 55, 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 166 Luật đất đai năm 2013.

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn C.

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 158/2020/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang về án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn bà Hồ Thị Hoài H với bị đơn ông Nguyễn Văn C.

1.2. Về con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia tài sản chung. Buộc ông Nguyễn Văn C trả cho bà Hồ Thị Hoài H 30% giá trị đóng góp, cải tạo tài sản là quyền sử dụng đất từ năm 2000 đến năm 2014 số tiền 198.913.320 đồng (một trăm chín mươi tám triệu chín trăm mười ba ngàn ba trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.4. Về nợ chung: không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn L; Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn C với ông Nguyễn Hữu M1.

2.1. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hữu M1 về công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chứng thực số 59/2019 quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD được Ủy ban nhân dân xã Phú A, huyện Châu T, tỉnh

hậu Giang chứng thực ngày 09/9/2019 giữa ông Nguyễn Văn C với ông Nguyễn Hữu M1.

2.2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn L về công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất chứng thực số 60/2019 quyền số 01/2019 TP/CC-SCC/HĐGD được Ủy ban nhân dân xã Phú A, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang chứng thực ngày 09/9/2019 giữa ông Nguyễn Văn C với ông Nguyễn Văn L.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Hồ Thị Hoài H tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp. Bà H được nhận lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0001314 ngày 03/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn Hồ Thị Hoài H phải chịu phần án phí về tiền công sức đóng góp, cải tạo là 9.945.000 đồng (chín triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) được khấu trừ phần tạm ứng nguyên đơn đã nộp 2.046.000 đồng (hai triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001315 ngày 03/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang. Như vậy nguyên đơn phải nộp thêm 7.899.000 đồng (bảy triệu tám trăm chín mươi chín ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn Hồ Thị Hoài H phải chịu tiền án phí bị bác yêu cầu không công nhận hợp đồng tặng cho và chuyển nhượng quyền sử dụng đất số tiền 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003959 ngày 19/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang thành án phí nguyên đơn còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Ông Nguyễn Hữu M1 được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003992 ngày 27/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang.

Tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) ông Nguyễn Văn L đã nộp theo biên lai số 0003991 ngày 27/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang sung vào công quỹ nhà nước.

Nguyên đơn Hồ Thị Hoài H phải chịu chi phí thẩm định và định giá 12.300.000 đồng (mười hai triệu ba trăm ngàn đồng) đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Nguyễn Văn C phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng. Ông C được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004167 ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 13/01/2021).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. Châu T;
- Chi cục THADS H. Châu T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Luông